

Số: 116 /TB-MNYD

Yên Đức, ngày 05 tháng 04 năm 2020

THÔNG BÁO

Về việc công bố công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách quý I năm 2020

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính V/v sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 282/QĐ-PGDĐT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2020.

Căn cứ tình hình thực hiện thu-chi nguồn ngân sách Quý 1 năm 2020 của trường Mầm non Yên Đức.

Nhà trường thông báo công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý 1 năm 2020 (theo biểu mẫu số 3 ngày 05/04/2020 đính kèm)

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

Địa điểm niêm yết:

+ Bảng tin trường Mầm non Yên Đức.

+ Địa chỉ trang điện tử: mnyenduc.dongtrieu.edu.vn

Nơi nhận :

- Phòng TCKH TX Đông Triều,
- Phòng GD&ĐT TX Đông Triều;
- BGH nhà trường;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Vũ Thị Cồn Tiên

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: TRƯỜNG MẦM NON YÊN ĐỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Chương: 622-070-073

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Yên Đức, ngày 05 tháng 4 năm 2020

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2020

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường Mầm non Yên Đức công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý I năm 2020 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020 + Bổ sung	Thực hiện quý I năm 2020	Thực hiện quý I/Dự toán năm 2020 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm 2020 so với quý I năm 2019 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	103,000	-	0,00	-
1	Lệ phí				
2	Phí	103,000	-	0,00	-
	Học phí	103,000		0,00	-
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	141,688	-	0,00	-
I	Chi sự nghiệp	141,688	-	0,00	-
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	141,688	-	0,00	-
	Chi thanh toán cá nhân	41,200	-	0,00	
	Mục 6000: Tiền lương	41,200	-	0,00	
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		-		
	Mục 6200: Tiền thưởng		-		
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể		-		
	Mục 6300: Các khoản đóng góp		-		
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân		-		
	Chi nghiệp vụ chuyên môn	100,488	-	0,00	-
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	10,000		0,00	-
	Mục 6550: Vật tư văn phòng		-		
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				-
	Mục 6650: Hội nghị		-		

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020 + Bổ sung	Thực hiện quý I năm 2020	Thực hiện quý I/Dự toán năm 2020 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm 2020 so với quý I năm 2019 (tỷ lệ %)
	Mục 6700: Công tác phí		-		
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	38,688	-	0,00	
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình, thiết bị, tài sản, tài sản không thuộc chuyên môn	17,000	-	0,00	
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn		-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	34,800	-	0,00	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình		-		
	Các khoản chi khác	-	-		
	Mục 7750: Chi khác		-		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.947,000	446,944	15,17	73,55
I	Nguồn ngân sách trong nước	2.947,000	446,944	15,17	73,55
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	2.947,000	446,944	15,17	73,55
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.947,000	446,944	15,17	73,55
a	Chi thanh toán cá nhân	2.395,760	359,337	15,00	67,89
	Mục 6000: Tiền lương	1.330,300	200,852	15,10	70,56
	Mục 6050: Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng		-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương	713,770	113,026	15,84	65,64
	Mục 6200: Tiền thưởng	12,960	-	0,00	
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	5,800	-	0,00	
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	332,930	45,459	13,65	62,76
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	-	-		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	540,760	76,708	14,19	112,77

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2020 + Bổ sung	Thực hiện quý I năm 2020	Thực hiện quý I/Dự toán năm 2020 (tỷ lệ %)	Thực hiện quý I năm 2020 so với quý I năm 2019 (tỷ lệ %)
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	89,590	26,295	29,35	121,79
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	39,500	-	0,00	
	Mục 6600: Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9,570	1,188	12,41	150,00
	Mục 6650: Hội nghị		-		
	Mục 6700: Công tác phí	18,900	1,600	8,47	66,67
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	83,000	20,025		137,99
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình, thiết bị, phương tiện, tài sản không thuộc mua sắm	142,200		0,00	-
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	25,000	-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	123,000	19,000	15,45	
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	10,000	8,600	86,00	
c	Các khoản chi khác	10,480	10,899	104,00	104,88
	Mục 7750: Chi khác	10,480	10,899	104,00	104,88
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-		
a	Chi thanh toán cá nhân	-	-		
	Mục 6100: Phụ cấp lương		-		
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học		-		
b	Chi nghiệp vụ chuyên môn	-	-		
	Mục 6900: Sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và duy tu, bảo dưỡng các công trình, thiết bị, phương tiện, tài sản không thuộc mua sắm		-		
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành		-		

Hiệu trưởng

Vũ Thị Côn Tiên